

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:152/2017/DS-PT
Ngày: 19/12/2017
V/v: “Kiện tranh chấp ranh giới”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Duy Tuấn

Các thẩm phán: bà Lưu Thị Thu Hương và bà Lê Thị Tùng

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Hồng Hà; chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: ông Kiều Văn Nghĩa; chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2017/TLPT-DS ngày 18/10/2017 về việc “Kiện tranh chấp ranh giới”.

Do bản án sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 222/2017/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Đỗ Đình T

Địa chỉ: thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

Bị đơn: ông Từ Quang D, bà Đỗ Thị H

Cùng địa chỉ: thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Đỗ Thị T

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị T: ông Đỗ Đình Ngọc V

Cùng địa chỉ: thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar thì nội dung vụ án như sau:

Quá trình tố tụng nguyên đơn ông Đỗ Đình T trình bày: Gia đình tôi có thửa đất giáp ranh với đất của gia đình ông D, bà H, đất đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/8/1999, thửa số 244 tờ bản đồ số 36 diện tích 7.300m² địa chỉ thửa đất tại thôn 1, xã E, huyện C. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD) đất thể hiện thì ranh giới giữa đất của gia đình tôi giáp ranh với gia đình ông D bà H có thể hiện

đường cong nên tôi có rào lại đường ranh giới theo đường cong thể hiện trong sơ đồ, tuy nhiên ông D, bà H cho rằng QSDĐ của ông bà không thể hiện đường cong ở phần giáp ranh với đất nhà tôi nên không cho rào theo đường cong mà bắt tôi phải làm theo đường thẳng.

Hiện nay trên phần diện tích đất giáp ranh đang tranh chấp giữa gia đình tôi và gia đình ông D, bà H là đất trống, không ai tạo lập bất cứ tài sản gì trên đó, không có việc lấn chiếm đất giữa hai nhà, cà phê, hồ tiêu của nhà tôi thì được trồng trên đất của nhà tôi, cà phê, hồ tiêu của nhà ông D được trồng trên đất nhà ông D.

Trong đơn khởi kiện tôi đề nghị Tòa án giải quyết diện tích ranh giới tranh chấp là 50m² (rộng khoảng 0,5m, dài khoảng 100m) ngoài ra tôi còn yêu cầu ông D, bà H phải xin lỗi về việc đã lãng mạ, vu khống gia đình tôi lấn chiếm đất vào thời điểm nhạy cảm (bầu cử Hội đồng nhân dân). Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa tôi đã tự nguyện rút lại phần yêu cầu ông D, bà H phải xin lỗi về việc đã lãng mạ vu khống. Nay tôi chỉ đề nghị Tòa án xem xét xác định mốc ranh giới theo đường cong giữa hai gia đình để tôi làm hàng rào ngăn cách giữa hai gia đình.

**** Quá trình tố tụng bị đơn ông Từ Quang D trình bày:***

Tôi xác định không hề có việc tranh chấp về ranh giới đất giữa nhà tôi với nhà ông T, cà phê, hồ tiêu của nhà tôi được trồng trên đất của nhà tôi còn cà phê, hồ tiêu của nhà ông T được trồng trên đất nhà ông T phần ranh giới đất giữa hai nhà không có bất cứ tài sản nào trên đó. Phần diện tích đất của nhà tôi cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 243 tờ bản đồ số 36 diện tích 5.520 m² do UBND huyện C cấp ngày 24/8/1999 nên hai gia đình sẽ sử dụng đất theo như sơ đồ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì tôi không đồng ý, gia đình ông T đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đất được cấp đến đâu thì ông T cứ canh tác đến đó, tôi không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án sơ thẩm số 30/2017/DSST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Điều 144; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 165, điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 166; khoản 1 điều 170; Điều 202; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Áp dụng pháp lệnh số 10/ PL-UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Đình T về việc kiện tranh chấp “Ranh giới” với bị đơn ông Từ Quang D và bà Đỗ Thị H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên tiền chi phí do đạc và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/9/2017, nguyên đơn ông Đỗ Đình Tkháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm khẳng định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Đỗ Đình T cho rằng ông Từ Quang D lấn chiếm đất của gia đình ông khoảng 40m² trên đất không có tài sản và cây trồng gì nên không có căn cứ xác định ông D lấn đất ông T. Ngoài ra diện tích đất đã được đo đạc cụ thể tại thửa đất số 244 của ông Đỗ Đình T có diện tích thực tế là 7.965m² so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T là 7.300m² nhiều hơn 665m². Diện tích đất của ông Từ Quang D tại thửa đất số 243 là 5.967,3m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 5.520m² nhiều hơn 447,3m². Như vậy diện tích đất của gia đình ông T và gia đình ông D đều thừa so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Từ những phân tích nhận định trên xét kháng cáo của ông Đỗ Đình T là không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Đình T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Đỗ Đình T hợp lệ về hình thức, được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Đỗ Đình T cho rằng ông Từ Quang D lấn đất của ông và không cho ông làm hàng rào.

Xét kháng cáo của ông Đỗ Đình T HĐXX thấy rằng: Tại ranh giới đất của hai gia đình và trên diện tích mà ông T cho rằng ông Từ Quang D lấn chiếm đất không có tài sản của hai gia đình, đất không có cây trồng, tài sản gì nên không có cơ sở xác định ông D lấn đất của ông T. Ngoài ra tại trích lục đo đạc địa chính thể hiện thửa đất số 244 của ông Đỗ Đình T có diện tích là 7.965m² so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 7.300m² thừa 665m². Thửa đất số 243 của ông Từ Quang D có diện tích là 5.967,3m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 5.520m² thừa 447,3m². Như vậy diện tích đất thực tế của gia đình ông T và gia đình ông D đều thừa so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có cơ sở để xác định ông Từ Quang D lấn chiếm đất của ông Đỗ Đình T. Do vậy kháng cáo của ông Đỗ Đình T là không có căn cứ nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đỗ Đình T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Đình T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 30/2017/DSST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Đình T về việc kiện tranh chấp “Ranh giới” với bị đơn ông Từ Quang D và bà Đỗ Thị H.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Đình T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 250.000 đồng mà ông T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2014/0042419 ngày 12/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Ông Đỗ Đình T được nhận lại 50.000 đồng theo biên lai thu tiền trên.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2014/0042614 ngày 15/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

[3] Về chi phí tố tụng khác: Ông Đỗ Đình T phải chịu 6.756.000 đồng chi phí do đặc được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 6.756.000 đồng mà ông T đã nộp theo phiếu thu số 24, quyển số 18 ngày 19/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện C (đã đo đạc và thanh lý xong hợp đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Duy Tuấn

